

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4354/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện
Chương trình sức khỏe Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1092/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình sức khỏe Việt Nam;

Xét đề nghị của Sở Y tế thành phố tại Tờ trình số 1812/TTr-SYT ngày 09 tháng 4 năm 2019 và Công văn số 4266/SYT-NVY ngày 08 tháng 8 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình sức khỏe Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Lê Thanh Liêm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Chương trình sức khỏe Việt Nam
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4354/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2019
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

Phần A

CƠ SỞ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

- Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

- Quyết định số 1092/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình sức khỏe Việt Nam.

II. TÌNH HÌNH CÔNG TÁC CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN VÀ CÁC CHỈ SỐ VỀ SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

1. Tình hình công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân của thành phố

Trong những năm qua, Thành phố Hồ Chí Minh đã đạt nhiều thành tựu trong công tác chăm sóc sức khỏe cho người dân thành phố. Những mục tiêu, chỉ tiêu của các chương trình quốc gia về y tế - dân số, chương trình sức khỏe thành phố đều được

hoàn thành, trong đó nhiều chỉ tiêu hoàn thành vượt mức đề ra và ở mức cao nhất của cả nước. Thành phố đã xây dựng nhiều kế hoạch thực hiện các chương trình, chiến lược quốc gia về phòng chống bệnh tật, nâng cao sức khỏe và tầm vóc cho người dân, gồm:

- Kế hoạch số 7031/KH-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Luật Phòng chống tác hại của thuốc lá (PCTHTL) và Nghị định số 77/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Phòng chống tác hại của thuốc lá và một số biện pháp phòng chống tác hại của thuốc lá trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Qua đó, Chương trình PCTHTL đã được triển khai trên toàn thành phố thông qua các hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe và xây dựng môi trường không khói thuốc.

- Kế hoạch số 3911/KH-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2017 - 2020 của Thành phố Hồ Chí Minh.

- Kế hoạch số 2497/KH-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chiến lược quốc gia phòng chống bệnh không lây nhiễm tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2018 - 2025.

- Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố về cơ chế hỗ trợ từ ngân sách thực hiện Đề án Chương trình sửa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng, góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và học sinh tiểu học giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Bên cạnh những kết quả tích cực đã đạt được, Thành phố vẫn tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức cho công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, do những tác động từ biến đổi môi trường - khí hậu, sự thay đổi và phát triển về đời sống kinh tế - xã hội của người dân dẫn đến sự gia tăng của gánh nặng bệnh tật cũng như nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng đa dạng, nâng cao:

- Công tác thông tin, giáo dục truyền thông về sức khỏe chưa thật sự hiệu quả. Gánh nặng bệnh tật và gánh nặng kinh tế do bệnh tật còn chưa được các cấp, các ngành nhận thức đầy đủ. Ý thức chấp hành pháp luật về phòng chống tác hại thuốc lá, phòng chống tác hại rượu bia của người dân còn chưa cao. Nhận thức của một bộ phận cộng đồng về nâng cao sức khỏe, phòng chống yếu tố nguy cơ còn chưa đầy đủ;

những hiểu biết về tự theo dõi phát hiện sớm bệnh, chăm sóc, theo dõi và tuân thủ điều trị trong nhân dân còn hạn chế.

- Sự phối hợp đa ngành trong kiểm soát các yếu tố nguy cơ bệnh tật, các chính sách kiểm soát yếu tố nguy cơ chưa đồng bộ, toàn diện và việc tuân thủ chưa tốt (thiếu Luật phòng, chống tác hại rượu bia, chính sách tạo điều kiện môi trường thuận lợi cho tăng cường hoạt động thể lực, thể thao quần chúng; chính sách khuyến khích các thực phẩm có lợi cho sức khỏe, hạn chế các thực phẩm không có lợi cho sức khỏe...). Chưa có một đầu mối tổ chức thống nhất để điều phối, huy động sự tham gia liên ngành trong kiểm soát các yếu tố nguy cơ bệnh tật. Các sở, ngành liên quan chưa phát huy hiệu quả vai trò, trách nhiệm trong thực thi các chính sách của các Bộ, ngành mình để kiểm soát rượu bia, thuốc lá, khuyến khích dinh dưỡng hợp lý và hoạt động thể lực...

- Việc tổ chức hoạt động phòng, chống bệnh tật, chăm sóc sức khỏe lồng ghép giữa các chương trình, dự án phòng chống bệnh tật thuộc chương trình mục tiêu quốc gia y tế, giữa các cơ sở y tế dự phòng và khám chữa bệnh còn hạn chế.

- Các chương trình phòng, chống bệnh tật tập trung chủ yếu vào quản lý và điều trị người bệnh, chưa chú trọng tới y tế dự phòng, phục hồi chức năng và giám sát theo dõi; chưa tiếp cận toàn diện theo cả chu trình vòng đời.

- Mạng lưới y tế dự phòng chưa tham gia đầy đủ vào hệ thống khám, phát hiện sớm, tư vấn và dự phòng bệnh không lây nhiễm mạn tính. Y tế cơ sở tuy được nâng cấp về trang thiết bị và nhân lực, nhưng năng lực sàng lọc, phát hiện sớm bệnh không lây nhiễm, cung ứng các dịch vụ chăm sóc, quản lý người bệnh không lây nhiễm chưa đáp ứng nhu cầu của xã hội, dẫn tới quá tải ở các bệnh viện tuyến trên.

- Hoạt động phát hiện sớm, quản lý, tư vấn và dự phòng cho người nguy cơ cao còn chưa triển khai một cách hệ thống, rộng khắp. Các can thiệp giảm ăn mặn, can thiệp sàng lọc giảm tác hại rượu bia, cai nghiện rượu, cai nghiện thuốc lá mới triển khai ở quy mô nhỏ.

- Thành phố còn thiếu các số liệu chuẩn hóa mang tính hệ thống; thông tin, số liệu để theo dõi xu hướng, quy mô và sự phân bố của bệnh không lây và các yếu tố nguy cơ.

- Phân bổ kinh phí chưa thật sự quan tâm đầu tư cho dự phòng, khám, phát hiện sớm, tư vấn tại cộng đồng. Chưa tạo đủ cơ chế tài chính bền vững cho phòng chống bệnh tật, nhất là các bệnh không lây nhiễm mạn tính. Bên cạnh đó, Bảo hiểm y tế không chi trả cho một số dịch vụ phòng chống bệnh tật.

2. Các chỉ số sức khỏe tại Thành phố Hồ Chí Minh

Lĩnh vực/Chỉ tiêu	Đến năm 2018
Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý	
Tỷ lệ trẻ < 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi	6,8%
Chiều cao trung bình của thanh niên (18 tuổi)	
- Nam (cm)	168,2 cm
- Nữ (cm)	155,9 cm
Phòng chống tác hại của thuốc lá	
Tỷ lệ hút thuốc ở nam giới trưởng thành	46,7%
Tỷ lệ hút thuốc thụ động của người dân	
- Tại nhà	25,2%
- Nơi làm việc	42,1%
Vệ sinh môi trường	
Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch	
- Nông thôn	100%
- Thành thị	100%
Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh	
- Nông thôn	98,5%
- Thành thị	99%
An toàn thực phẩm	
Số vụ ngộ độc thực phẩm tập thể từ 30 người mắc/vụ trở lên (giai đoạn 2011 - 2018)	24 vụ
Chăm sóc sức khỏe trẻ em và học sinh	
Tỷ lệ tiêm chủng mở rộng đầy đủ:	
- Tiêm chủng cho trẻ dưới 1 tuổi (08 loại vắc-xin)	> 95%
- Tiêm vắc-xin sởi - rubella	> 90%
- Tiêm vắc-xin DPT mũi 4	> 80%

Phát hiện và quản lý một số bệnh không lây nhiễm	
Tỷ lệ trạm y tế cấp xã, phường, thị trấn thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm phổ biến	52%
Tỷ lệ phát hiện tăng huyết áp	3%
Tỷ lệ quản lý tăng huyết áp	34%
Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	
Tỷ lệ trạm y tế cấp xã, phường, thị trấn triển khai chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng và gia đình	100%

Phần B

KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH SỨC KHỎE VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng môi trường hỗ trợ, tăng cường năng lực cho mỗi người dân; thực hiện tốt công tác quản lý, chăm sóc sức khỏe toàn diện để nâng cao sức khỏe tâm vóc, tuổi thọ và chất lượng cuộc sống của người Việt Nam.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu 1: Bảo đảm chế độ dinh dưỡng hợp lý, tăng cường vận động thể lực để cải thiện tâm vóc và nâng cao sức khỏe cho người dân.

b) Mục tiêu 2: Nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của mỗi người dân và cộng đồng để chủ động dự phòng các yếu tố nguy cơ phổ biến đối với sức khỏe nhằm phòng tránh bệnh tật, bảo vệ sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.

c) Mục tiêu 3: Thực hiện quản lý, chăm sóc sức khỏe liên tục, lâu dài tại tuyến y tế cơ sở để góp phần giảm gánh nặng bệnh tật, tử vong và nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân.

3. Chỉ tiêu

Lĩnh vực/Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2030
Thực hiện Mục tiêu 1		
1. Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý		
1) Giảm tỷ lệ trẻ < 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi	< 6%	< 5%
2) Khống chế tỷ lệ người trưởng thành bị béo phì	< 33%	< 30%
3) Tăng chiều cao trung bình của thanh niên (18 tuổi)		
- Nam (cm)	168,5	168,8
- Nữ (cm)	156,5	157,5
4) Giảm tỷ lệ người trưởng thành ăn thiếu rau/ trái cây	50%	45%
5) Giảm mức tiêu thụ muối /người/ngày (gam)	< 8g	< 7g
2. Tăng cường vận động thể lực		
6) Giảm tỷ lệ người dân thiếu vận động thể lực:		
- Người 18 - 69 tuổi	25%	20%
- Trẻ em 13 - 17 tuổi	60%	40%
Thực hiện Mục tiêu 2		
3. Phòng chống tác hại của thuốc lá		
7) Giảm tỷ lệ hút thuốc ở nam giới trưởng thành	37%	32,5%
8) Giảm tỷ lệ hút thuốc thụ động của người dân		
- Tại nhà	20%	15%
- Nơi làm việc	50%	40%
4. Phòng chống tác hại của rượu, bia		
9) Giảm tỷ lệ uống rượu, bia ở mức nguy hại ở nam giới trưởng thành	39%	35%
5. Vệ sinh môi trường		
10) Tăng tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch		
- Nông thôn	100%	100%
- Thành thị	100%	100%
11) Tăng tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh		
- Nông thôn	> 99%	100%

- Thành thị	> 99%	100%
12) Tăng tỷ lệ người dân rửa tay với xà phòng (trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh)	50%	70%
6. An toàn thực phẩm		
13) Giảm số vụ ngộ độc thực phẩm tập thể từ 30 người mắc/vụ trở lên (so với trung bình giai đoạn 2011 - 2015)	10%	20%
14)		
- Người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm có kiến thức thực hành đúng các quy định về an toàn thực phẩm	90%	95%
- Người quản lý (bao gồm quản lý nhà nước và quản lý cơ sở) nắm vững kiến thức pháp luật trong quản lý về an toàn thực phẩm	95%	95%
- Người tiêu dùng có kiến thức trong việc lựa chọn sản phẩm thực phẩm	80%	90%
15) Tăng tỷ lệ cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm		
- Cơ sở sản xuất quy mô công nghiệp, tập trung	95%	98%
- Cơ sở sản xuất, chế biến nhỏ và vừa	80%	90%
- Dịch vụ ăn uống (thuộc diện cấp giấy)	75%	90%
- Bếp ăn tập thể (thuộc diện cấp giấy)	95%	98%
7. Chăm sóc sức khỏe trẻ em và học sinh		
16) Tỷ lệ tiêm chủng mở rộng đầy đủ:		
- 12 loại vắc xin	> 95%	> 95%
- 14 loại vắc xin		
17) Tăng tỷ lệ trường học bán trú, nội trú có tổ chức bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng cho học sinh		
- Trường mầm non	70%	90%
- Trường tiểu học	75%	100%
18) Tăng tỷ lệ học sinh được tầm soát phát hiện giảm thị lực, được kê đơn kính và được hướng dẫn rèn luyện thị lực	40%	60%
Thực hiện Mục tiêu 3		
8. Phát hiện và quản lý một số bệnh không lây nhiễm		
19) Tỷ lệ trạm y tế cấp xã, phường, thị trấn thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm phổ biến	95%	100%
20) Tăng tỷ lệ phát hiện tăng huyết áp	50%	70%

21) Tăng tỷ lệ quản lý tăng huyết áp	25%	> 40%
22) Tăng tỷ lệ phát hiện đái tháo đường	50%	70%
23) Tăng tỷ lệ quản lý đái tháo đường	> 30%	> 40%
24) Tăng tỷ lệ người thuộc đối tượng nguy cơ được khám phát hiện sớm ung thư (Ung thư vú, ung thư cổ tử cung và ung thư đại trực tràng)	40%	50%
9. Quản lý sức khỏe người dân		
25) Tỷ lệ người dân được được quản lý, theo dõi sức khỏe tại cộng đồng	90%	95%
10. Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi		
26) Tỷ lệ trạm y tế cấp xã, phường, thị trấn triển khai chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng và gia đình	100%	100%
11. Chăm sóc sức khỏe người lao động		
27) Tỷ lệ người lao động làm việc tại các cơ sở có nguy cơ bị các bệnh nghề nghiệp phổ biến được phát hiện bệnh nghề nghiệp	50%	70%
28) Tỷ lệ xã, phường, thị trấn thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe lao động cơ bản cho người lao động trong khu vực không có hợp đồng lao động (nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và làng nghề,...)	40%	50%

II. GIẢI PHÁP VÀ NHIỆM VỤ

1. Đẩy mạnh công tác quản lý chỉ đạo, thực thi chính sách và phối hợp liên ngành

a) Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp để tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình Sức khỏe Việt Nam. Ủy ban nhân dân các cấp chủ động xây dựng kế hoạch, chỉ đạo thực hiện, đưa vào chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội của địa phương và ưu tiên phân bổ kinh phí hằng năm để đạt được các mục tiêu sức khỏe ở từng địa phương trên cơ sở các mục tiêu sức khỏe của quốc gia.

b) Tăng cường trách nhiệm của các sở, ban, ngành thành phố trong phối hợp triển khai thực hiện các chính sách, hoạt động của Chương trình Sức khỏe Việt Nam thuộc phạm vi do ngành, lĩnh vực phụ trách.

c) Phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ phục hồi chức năng và hỗ trợ xã hội cho người cao tuổi và các đối tượng bảo trợ xã hội khác theo quy định, bảo đảm sự phối

hợp và kết nối hiệu quả giữa ngành lao động - thương binh và xã hội và ngành y tế.

d) Thực hiện các chính sách, quy định của pháp luật về kiểm soát yếu tố nguy cơ, thúc đẩy các yếu tố tăng cường sức khỏe và phòng, chống bệnh tật:

- Thực hiện nghiêm Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá; Luật Bảo vệ môi trường; Luật An toàn thực phẩm; Luật An toàn, vệ sinh lao động; Luật Người cao tuổi; Luật trẻ em; Chính sách quốc gia phòng, chống tác hại của lạm dụng đồ uống có cồn đến năm 2020 và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan khác.

- Triển khai thực hiện các cơ chế, quy định pháp luật về quản lý, kiểm soát việc quảng cáo, kinh doanh và thu thuế để hạn chế sử dụng thuốc lá, đồ uống có cồn, thực phẩm chế biến sẵn, nước ngọt có ga, phụ gia thực phẩm và một số sản phẩm khác có nguy cơ với sức khỏe, đặc biệt là các sản phẩm dành cho trẻ em.

- Rà soát, đề xuất bổ sung các cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích sản xuất, cung cấp và tiêu thụ các thực phẩm an toàn, dinh dưỡng có lợi cho sức khỏe; tạo điều kiện cho người dân tiếp cận, sử dụng không gian công cộng, cơ sở luyện tập thể dục, thể thao; phát triển giao thông công cộng, giao thông phi cơ giới, đồng thời bảo đảm các tiện ích cho người khuyết tật, người cao tuổi tại các khu vực công cộng.

2. Tăng cường chất lượng hoạt động chuyên môn nghiệp vụ

a) Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý:

- Triển khai các nội dung về chăm sóc dinh dưỡng cho 1.000 ngày vàng đầu đời bao gồm: thực hiện chăm sóc và bảo đảm dinh dưỡng hợp lý cho bà mẹ trước, trong và sau sinh; nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu; ăn bổ sung hợp lý cho trẻ dưới 2 tuổi; định kỳ theo dõi tăng trưởng và phát triển của trẻ.

- Giám sát tình trạng dinh dưỡng, bổ sung vi chất dinh dưỡng cho trẻ em dưới 5 tuổi, phụ nữ có thai; phát hiện và giải quyết kịp thời các vấn đề dinh dưỡng trong tình trạng khẩn cấp.

- Thực hiện các biện pháp để bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và giảm muối trong khẩu phần ăn:

+ Thực hiện nghiêm việc dán nhãn đối với thực phẩm chế biến sẵn trong đó công bố năng lượng, hàm lượng muối, đường, chất béo bão hòa, chất béo thể chuyển hóa (thể trans), vi chất dinh dưỡng trong thực phẩm và cảnh báo sức khỏe cho người

tiêu dùng.

+ Tổ chức bữa ăn bảo đảm dinh dưỡng cho người lao động tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh; tư vấn về dinh dưỡng cho người lao động.

+ Thực hiện tư vấn, hướng dẫn cho cộng đồng, người cao tuổi, phụ nữ, trẻ em về chế độ dinh dưỡng hợp lý, ăn giảm muối, ăn đủ rau và trái cây và hạn chế sử dụng thực phẩm không có lợi cho sức khỏe. Kê đơn dinh dưỡng và vận động thể lực trong quản lý và điều trị người mắc bệnh không lây nhiễm.

b) Tăng cường vận động thể lực cho người dân:

- Hỗ trợ người dân tăng cường vận động thể lực theo khuyến cáo:

+ Phát động phong trào 10.000 bước chân mỗi ngày để vận động, khuyến khích, hỗ trợ cho người dân tham gia và duy trì thói quen vận động thể lực bằng hình thức đi bộ.

+ Huy động, cung cấp, tạo điều kiện cho người dân ở cộng đồng có đường đi bộ an toàn và thuận tiện, được tiếp cận, sử dụng không gian công cộng, cơ sở luyện tập thể dục, thể thao; tạo điều kiện, thúc đẩy người dân sử dụng giao thông công cộng, giao thông phi cơ giới.

+ Tổ chức các chương trình, mô hình vận động thể lực tại cộng đồng dân cư gắn với các hoạt động, sinh hoạt cộng đồng theo nhóm đối tượng, nhóm tuổi; kèm theo các hướng dẫn, hỗ trợ để làm cho người dân hình thành và duy trì thói quen vận động thể lực hằng ngày.

+ Tổ chức các hình thức vận động thể lực, thể dục giữa giờ phù hợp cho người lao động tại nơi làm việc, đặc biệt cho những người làm việc văn phòng.

+ Thực hiện tư vấn, hướng dẫn về vận động thể lực cho người dân và bệnh nhân, lồng ghép kê đơn vận động thể lực trong quản lý bệnh không lây nhiễm tại các cơ sở y tế và tại cộng đồng.

- Tăng cường vận động thể chất cho trẻ em, học sinh, sinh viên:

+ Tổ chức tốt các chương trình giáo dục thể chất trong trường học; bảo đảm không gian, cơ sở vật chất và trang thiết bị cho các hoạt động luyện tập, rèn luyện thể dục, thể thao của học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục theo quy định.

+ Duy trì các hoạt động thể dục đầu giờ, giữa giờ và bảo đảm số giờ thể dục trong chương trình chính khóa. Tổ chức đa dạng các loại hình vận động thể lực ngoại khóa, tăng cường vận động thể lực thông qua các sinh hoạt, vui chơi giải trí có tính chất vận động ở trường và hạn chế thời gian ngồi lâu tại chỗ. Bảo đảm mỗi học sinh tối thiểu được vận động thể lực 60 phút trong một ngày.

c) Chăm sóc sức khỏe trẻ em và học sinh:

- Tiêm chủng cho trẻ em: Bảo đảm việc cung ứng vắc xin trong Chương trình tiêm chủng mở rộng; nâng cao chất lượng mạng lưới cung cấp dịch vụ tiêm chủng; tổ chức tiêm chủng đầy đủ, đúng lịch, an toàn cho mọi trẻ em trong diện tiêm chủng; triển khai và duy trì hiệu quả hệ thống quản lý tiêm chủng quốc gia.

- Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý cho học sinh:

+ Giáo dục thay đổi hành vi cho học sinh về dinh dưỡng hợp lý bao gồm: ăn tối thiểu 3 bữa ăn/ngày; ăn đủ rau và trái cây; hạn chế ăn đồ ăn nhanh, thực phẩm chế biến sẵn, nước ngọt có ga; giảm muối trong khẩu phần ăn.

+ Có chương trình phối hợp giữa nhà trường và gia đình để giáo dục, hướng dẫn bảo đảm chế độ dinh dưỡng và hoạt động thể lực phù hợp cho nhóm học sinh tuổi tiền dậy thì và dậy thì để phát triển tốt về thể lực và tầm vóc.

+ Xây dựng thực đơn dinh dưỡng hợp lý và tổ chức các bữa ăn bảo đảm dinh dưỡng hợp lý cho trẻ em, học sinh tại các cơ sở giáo dục có ăn bán trú, nội trú hoặc có cung cấp dịch vụ ăn uống.

+ Quản lý hoạt động của căng - tin, dịch vụ trong trường học nhằm hạn chế tiếp cận của học sinh với các sản phẩm thực phẩm không có lợi cho sức khỏe; thực thi quy định không bán sản phẩm, thực phẩm không có lợi cho sức khỏe ở khu vực cổng trường.

+ Tư vấn sức khỏe và dinh dưỡng cho học sinh và phụ huynh học sinh; định kỳ theo dõi tình trạng dinh dưỡng, phát triển và kiểm tra sức khỏe của học sinh để phát hiện sớm các nguy cơ sức khỏe và bệnh tật; duy trì tẩy giun định kỳ tại những vùng có tỷ lệ nhiễm giun cao.

- Chăm sóc mắt cho trẻ em:

+ Cung cấp các dụng cụ, công cụ đơn giản cho các trạm y tế xã, phường, thị trấn

và các trường học kết hợp với hướng dẫn, hỗ trợ trẻ em, học sinh thường xuyên tự đánh giá phát hiện ban đầu tình trạng giảm thị lực.

+ Tổ chức khám, kê đơn kính, theo dõi và hướng dẫn chăm sóc mắt cho những trẻ em, học sinh giảm thị lực.

+ Tổ chức các hoạt động ngoài trời phù hợp cho học sinh để tăng thời gian trẻ em được vận động thể lực ngoài trời, tăng thời gian mắt được rèn luyện thị lực bằng ánh sáng tự nhiên.

d) Phòng chống tác hại của thuốc lá:

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực thi Luật Phòng chống tác hại của thuốc lá tại các địa phương và cộng đồng. Tổ chức triển khai hiệu quả các biện pháp phòng, chống thuốc lá nhập lậu, thuốc lá giả.

- Thực hiện xử phạt nghiêm hành vi vi phạm quy định không hút thuốc nơi công cộng, trường học, bệnh viện, gia đình, cơ quan, xí nghiệp.

- Cung cấp dịch vụ tư vấn và điều trị cai nghiện thuốc lá tại các cơ sở y tế và cộng đồng trên toàn thành phố.

đ) Phòng chống tác hại của sử dụng rượu, bia và đồ uống có cồn khác:

- Thực hiện nghiêm Chính sách Quốc gia về phòng chống tác hại của lạm dụng rượu, bia theo Quyết định số 244/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; triển khai triệt để các quy định không uống rượu, bia trong giờ làm việc, không lạm dụng rượu, bia trong các sinh hoạt cộng đồng (ma chay, cưới hỏi...).

- Tăng cường các biện pháp quản lý sản xuất, kinh doanh rượu, bia; phòng ngừa và xử lý rượu, bia nhập lậu, rượu, bia giả, không bảo đảm an toàn.

- Cung cấp dịch vụ tư vấn, cai nghiện rượu, bia tại các cơ sở y tế và tại cộng đồng trên phạm vi toàn quốc.

e) Vệ sinh môi trường:

- Triển khai các hoạt động giảm tác động của biến đổi khí hậu, ô nhiễm hóa chất độc hại, ô nhiễm không khí, nước và đất tới sức khỏe con người. Thực hiện truyền thông về nguy cơ, nâng cao năng lực giám sát và đánh giá tác động, xây dựng hệ thống quản lý thông tin và báo cáo thống kê về tình hình bệnh tật, tử vong do tác

động của hóa chất độc hại và ô nhiễm môi trường.

- Thực hiện đồng bộ các biện pháp ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai để giảm thiểu tác động đến sức khỏe người dân.

- Có các giải pháp chuyên môn kỹ thuật để tăng tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Tăng cường triển khai kế hoạch an toàn nước, giám sát chất lượng nước ăn uống, nước sinh hoạt; vận động người dân sử dụng nước sạch cho ăn uống và sinh hoạt, giữ gìn vệ sinh nguồn nước và dụng cụ chứa nước tại các cộng đồng dân cư; thực hiện tốt việc xử lý nước và vệ sinh môi trường.

- Truyền thông vận động cộng đồng xây dựng, sử dụng và bảo quản nhà tiêu hợp vệ sinh, chấm dứt đi tiêu bừa bãi; thực hành ủ phân hợp vệ sinh, không sử dụng phân tươi để bón ruộng và xóa bỏ cầu tiêu ao cá.

- Quản lý tốt rác thải sinh hoạt; vận động người dân thu gom, loại bỏ dụng cụ phế thải, hạn chế tối đa nơi sinh sản của muỗi truyền bệnh sốt xuất huyết.

- Vận động người dân làm chuồng trại xa nhà, không thả rông gia súc; thường xuyên tổ chức những đợt tổng vệ sinh đường làng, ngõ xóm, cơ quan, trường học, nơi công cộng và nhà dân để tạo thói quen và nề nếp vệ sinh trong nhân dân.

- Rửa tay với xà phòng:

+ Phối hợp liên ngành để triển khai hiệu quả Chương trình Cộng đồng chung tay phòng chống dịch bệnh; tuyên truyền về lợi ích của rửa tay với xà phòng, quy trình rửa tay đúng cách và các thời điểm cần rửa tay với xà phòng.

+ Tổ chức chiến dịch hưởng ứng Ngày thế giới rửa tay với xà phòng hằng năm. Xây dựng và nhân rộng các mô hình truyền thống rửa tay với xà phòng trong trường học, nơi công cộng và tại hộ gia đình.

+ Trang bị các thiết bị, điều kiện hỗ trợ cho việc rửa tay với xà phòng tại trường học, bệnh viện, nơi làm việc và các nơi công cộng khác.

g) An toàn thực phẩm:

- Phát huy hiệu quả vai trò phối hợp liên ngành về an toàn thực phẩm tại thành phố; tăng cường thanh, kiểm tra, xử lý các vi phạm về an toàn thực phẩm; quản lý

hoạt động quảng cáo các sản phẩm thực phẩm, đặc biệt là các sản phẩm thực phẩm tiếp cận với trẻ em.

- Tăng cường năng lực của hệ thống quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm; triển khai đầy đủ các quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thực phẩm để áp dụng trên toàn thành phố; áp dụng các hệ thống cảnh báo và phân tích nguy cơ an toàn thực phẩm làm cơ sở cho công tác quản lý an toàn thực phẩm dựa vào bằng chứng.

- Áp dụng các quy trình thực hành sản xuất tốt, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn thực phẩm trong sản xuất, chế biến và kinh doanh các sản phẩm thực phẩm gắn với chứng nhận và công bố tiêu chuẩn chất lượng. Phổ biến, hướng dẫn cho các doanh nghiệp chế biến thực phẩm, tư vấn và áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng an toàn thực phẩm tiên tiến (GMP, GHP, HACCP, ISO 22000)

- Đẩy mạnh triển khai nhân rộng những mô hình tiên tiến về quản lý, sản xuất thực phẩm an toàn; phát triển chuỗi cung ứng thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn trên toàn thành phố.

- Nâng cao năng lực phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm. Tăng cường kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện các quy định về điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm của các cơ sở bếp ăn tập thể, cơ sở cung cấp suất ăn sẵn, nhà hàng, khách sạn, khu du lịch, lễ hội, thức ăn đường phố, chợ, cảng, trường học, khu công nghiệp và chế xuất.

h) Phòng chống một số bệnh không lây nhiễm nhằm tăng tỷ lệ phát hiện và quản lý điều trị đối với các bệnh (1) tăng huyết áp, (2) đái tháo đường, (3) một số loại ung thư:

- Cung cấp thông tin dưới nhiều hình thức, hỗ trợ, hướng dẫn người dân biết tự theo dõi tình trạng sức khỏe, chủ động, định kỳ đi đo huyết áp để phát hiện sớm tăng huyết áp, kiểm tra đường huyết để phát hiện sớm đái tháo đường và khám phát hiện sớm một số bệnh ung thư; tư vấn cho người dân thay đổi hành vi; hướng dẫn người mắc bệnh mạn tính tuân thủ việc dùng thuốc và tự chăm sóc tại nhà theo chỉ định của thầy thuốc.

- Phát hiện sớm và quản lý bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng:

+ Tăng cường phát hiện sớm người mắc tăng huyết áp, đái tháo đường, nguy cơ

tim mạch thông qua theo dõi chỉ số khối cơ thể (BMI), đo huyết áp, xét nghiệm đường máu tối thiểu 1 lần/năm, phát hiện sớm một số ung thư phổ biến qua khám sàng lọc tại y tế cơ sở và cộng đồng.

+ Cung cấp các dịch vụ chẩn đoán, điều trị, quản lý tăng huyết áp, đái tháo đường nguy cơ tim mạch và chăm sóc hỗ trợ người mắc bệnh ung thư, một số bệnh không lây nhiễm khác theo quy định tại các trạm y tế cấp xã, phường, thị trấn trên toàn quốc.

i) Chăm sóc sức khỏe người dân tại cộng đồng:

- Triển khai đầy đủ và hiệu quả các nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân tại tuyến y tế cơ sở.

- Định kỳ kiểm tra sức khỏe cho người dân, bảo đảm mọi người dân được định kỳ kiểm tra, theo dõi các chỉ số sức khỏe cơ bản như: BMI, huyết áp, đường máu, sàng lọc một số ung thư và theo dõi các chỉ số khác phù hợp theo nhóm tuổi và nhóm đối tượng.

- Lập Hồ sơ quản lý sức khỏe cho cá nhân để cập nhật, theo dõi, quản lý sức khỏe liên tục và lâu dài cho từng đối tượng theo các nhóm tuổi: trẻ em, học sinh, người lao động và người cao tuổi.

- Theo dõi tình trạng sức khỏe, quản lý, khám, tư vấn, chuyển tuyến, can thiệp chăm sóc sức khỏe kịp thời cho người dân, đặc biệt đối với quản lý bệnh không lây nhiễm và bệnh mạn tính khác.

- Ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý, chăm sóc sức khỏe:

+ Kết nối liên tục, chia sẻ thông tin giữa các tuyến để bảo đảm theo dõi sức khỏe tình trạng bệnh tật của cá nhân một cách liên tục. Bảo đảm bảo mật các thông tin về sức khỏe của người dân.

+ Tích hợp các nội dung vào hệ thống quản lý thông tin đề: (1) phát hiện bệnh sớm, (2) quản lý tiêm chủng, (3) giám sát bệnh truyền nhiễm, (4) quản lý các bệnh không lây nhiễm, (5) thống kê báo cáo phục vụ việc theo dõi quy mô và sự phân bố bệnh tật

+ Xây dựng và triển khai hệ thống thông tin quản lý sức khỏe toàn dân, có trang thông tin điện tử để giao tiếp, kết nối với người dân, người bệnh, chia sẻ thông tin,

cảnh báo sức khỏe, hỗ trợ người dân thực hành dinh dưỡng hợp lý và tăng cường vận động thể lực, hướng dẫn đi khám, kiểm tra sức khỏe, tiêm chủng, dùng thuốc và tự chăm sóc.

k) Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi:

- Tiếp tục phát triển mạng lưới các cơ sở lão khoa trên toàn thành phố.

- Thực hiện chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại tuyến y tế cơ sở, tại các Trung tâm Bảo trợ xã hội, nhà dưỡng lão và tại cộng đồng:

+ Cung cấp các hướng dẫn chuyên môn, tăng cường đào tạo tập huấn về chăm sóc người cao tuổi kết hợp quản lý bệnh mạn tính tại cộng đồng cho cán bộ y tế tuyến cơ sở và cho người chăm sóc.

+ Triển khai chăm sóc dài hạn lồng ghép quản lý bệnh không lây nhiễm cho người cao tuổi tại gia đình và cộng đồng.

+ Triển khai cung cấp các gói dịch vụ y tế cơ bản về bệnh mạn tính và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi được chi trả bởi quỹ bảo hiểm y tế và ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành

+ Phát triển mạng lưới bác sĩ gia đình để cung cấp các dịch vụ quản lý bệnh mạn tính và chăm sóc dài hạn cho người cao tuổi.

+ Thực hiện quản lý sức khỏe và kiểm tra sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi, bảo đảm mỗi người cao tuổi được định kỳ kiểm tra huyết áp, xét nghiệm đường máu và các chỉ số cơ bản khác.

l) Chăm sóc sức khỏe người lao động:

- Triển khai các chương trình nâng cao sức khỏe tại nơi làm việc. Tuyên truyền nâng cao nhận thức về vệ sinh môi trường lao động, các biện pháp an toàn vệ sinh lao động, phòng chống các yếu tố nguy cơ và yếu tố có hại, áp dụng hiệu quả mô hình phòng chống tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp phổ biến tại các cơ sở lao động.

- Kiểm soát ô nhiễm môi trường tại các khu công nghiệp, cơ sở sản xuất, làng nghề.

- Phối hợp, lồng ghép khám phát hiện bệnh không lây nhiễm trong khám sức khỏe định kỳ, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp và quản lý sức khỏe người lao động

tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức. Triển khai quản lý sức khỏe người lao động, bảo đảm người lao động được chăm sóc liên tục, lâu dài bởi bộ phận y tế của các cơ sở lao động hoặc trạm y tế xã, phường, thị trấn.

- Triển khai mô hình gói dịch vụ chăm sóc sức khỏe lao động cơ bản cho người lao động trong khu vực không có hợp đồng lao động (các khu vực nông nghiệp, làng nghề, lâm nghiệp và ngư nghiệp...) theo hướng dẫn, quy định của cơ quan có thẩm quyền, tập trung vào các nội dung: quản lý sức khỏe người lao động thông qua quản lý hồ sơ sức khỏe chung của người dân trên địa bàn xã, phường, thị trấn; rà soát môi trường làm việc, tư vấn cải thiện điều kiện lao động; thông tin, truyền thông về các yếu tố nguy cơ, yếu tố có hại gây bệnh nghề nghiệp; và thực hiện sơ cứu, cấp cứu các trường hợp tai nạn lao động tại trạm y tế xã, phường, thị trấn và cơ sở y tế tương đương.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, tăng cường hợp tác quốc tế, nghiên cứu, ứng dụng về khoa học công nghệ trong lĩnh vực vệ sinh lao động, quan trắc môi trường lao động, khám sức khỏe người lao động và bệnh nghề nghiệp.

m) Ban hành các khuyến nghị, hướng dẫn cho cộng đồng về nâng cao sức khỏe, dự phòng bệnh tật phù hợp với từng nhóm đối tượng, đặc biệt tài liệu cho trẻ em, học sinh, người lao động và người cao tuổi. Cung cấp tài liệu chuyên môn kỹ thuật, nâng cao năng lực cho mạng lưới y tế, đặc biệt là y tế cơ sở để sàng lọc; tư vấn về sức khỏe, dinh dưỡng và vận động thể lực; cai nghiện thuốc lá, rượu, bia; hỗ trợ, chăm sóc sức khỏe cho trẻ em, học sinh, người lao động và người cao tuổi.

n) Đảm bảo sự tương thích, lồng ghép hài hòa các giải pháp chuyên môn kỹ thuật của các chương trình, dự án, đề án hiện có của ngành y tế và các ngành khác để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình Sức khỏe Việt Nam.

3. Giải pháp về truyền thông vận động xã hội

a) Ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng và phát huy hiệu quả mạng lưới thông tin truyền thông trên toàn thành phố để tuyên truyền, phổ biến vận động các cấp, các ngành, đoàn thể và người dân thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật, các hướng dẫn, khuyến cáo về nâng cao sức khỏe, phòng, chống bệnh tật.

b) Nghiên cứu, xây dựng và cung cấp các chương trình, tài liệu truyền thông về

sức khỏe phù hợp với phương thức truyền thông và các nhóm đối tượng:

- Các chương trình truyền thông, giáo dục sức khỏe tại cộng đồng, hướng dẫn thực hành chế độ dinh dưỡng hợp lý ở các gia đình, cơ sở giáo dục và các cơ sở sản xuất, kinh doanh; truyền thông giảm muối trong khẩu phần ăn của người dân, khuyến khích ăn đủ rau và trái cây, giảm tiêu thụ nước giải khát có đường...

- Truyền thông vận động phong trào toàn dân vận động thể lực, rèn luyện thể dục thể thao, tổ chức ngày toàn dân đi bộ. Xây dựng, phổ biến và nhân rộng mô hình rèn luyện thể dục thể thao, đi bộ ở nơi làm việc và ở cộng đồng dân cư.

- Truyền thông để phổ biến và thúc đẩy việc tuân thủ Luật Phòng chống tác hại của thuốc lá, đặc biệt là quy định về môi trường không khói thuốc.

- Tổ chức chiến dịch truyền thông về phòng chống tác hại của rượu, bia trên thông tin đại chúng và trong các cơ sở giáo dục.

- Truyền thông, vận động người dân đưa trẻ em đi tiêm chủng đầy đủ và đúng lịch.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ chăm sóc sức khỏe người lao động, nhận biết nguy cơ và phòng chống hiệu quả bệnh nghề nghiệp đối với ngành y tế và các ngành nghề lao động đặc thù. Phối hợp giữa các sở, ngành, cơ quan đơn vị thực hiện tháng hành động quốc gia về an toàn lao động, vệ sinh lao động phòng chống cháy nổ hằng năm.

- Triển khai mạnh mẽ và đồng bộ các hoạt động thông tin, giáo dục và truyền thông thay đổi hành vi về an toàn thực phẩm; xây dựng và phát triển các kỹ năng truyền thông; nâng cao số lượng, chất lượng các tài liệu và thông điệp truyền thông về an toàn thực phẩm. Phối hợp Hội Nông dân thành phố, Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố và các cơ quan, đơn vị tổ chức liên quan trong tuyên truyền, vận động nhân dân sản xuất, kinh doanh nông sản thực phẩm an toàn.

- Chú trọng truyền thông về Chương trình Sức khỏe Việt Nam thông qua các phương thức truyền thông phổ biến như truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng, internet, thông qua mạng lưới thông tin truyền thông ở cơ sở, gắn với các chương trình giáo dục, chương trình văn hóa, văn nghệ, thể thao, các cuộc vận động, các phong trào quần chúng và các hoạt động khác ở cộng đồng.

c) Lồng ghép chủ đề truyền thông của Chương trình Sức khỏe Việt Nam vào các chiến dịch truyền thông, các ngày, sự kiện sức khỏe trong năm như: Ngày Ung thư thế giới, Ngày Sức khỏe thế giới, Ngày Hen toàn cầu, Ngày Phòng chống tăng huyết áp thế giới, Ngày/Tuần lễ Không thuốc lá, Ngày Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính toàn cầu, Ngày Tim mạch thế giới, Ngày Sức khỏe tâm thần thế giới, Ngày Đột quy thế giới, Ngày Phòng chống đái tháo đường thế giới, Tuần lễ Dinh dưỡng và phát triển, Ngày Nhà vệ sinh thế giới, Ngày Môi trường thế giới, Ngày Nước thế giới, Ngày Thế giới rửa tay với xà phòng, Ngày Thể thao Việt Nam, Tuần lễ Tiêm chủng thế giới, Tháng Hành động vì an toàn thực phẩm và các sự kiện liên quan khác.

4. Giải pháp về nguồn lực

a) Nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình Sức khỏe Việt Nam được lồng ghép từ nguồn lực của các chương trình, dự án và từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

b) Huy động sự tham gia, đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân để hỗ trợ nguồn lực cho xây dựng các mô hình nâng cao sức khỏe cộng đồng, tạo điều kiện cho người dân thực hiện các hành vi có lợi cho sức khỏe.

c) Việc thực hiện các hoạt động của Chương trình Sức khỏe Việt Nam cần bảo đảm lồng ghép trong kinh phí thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của thành phố, lồng ghép trên cơ sở tăng cường, điều chỉnh, mở rộng các chương trình, dự án, đề án của các Bộ, Ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên Mặt trận của Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan, tổ chức có liên quan gồm:

- Chương trình Mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới;
- Chương trình Mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững;
- Chương trình Mục tiêu Y tế - Dân số;
- Chương trình Quốc gia về an toàn lao động, vệ sinh lao động;
- Chương trình Sữa học đường;
- Chương trình Cộng đồng chung tay phòng chống dịch bệnh;
- Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi đến năm 2030;

- Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam 2011 - 2030;
- Đề án y tế lao động xã hội nâng cao chất lượng chăm sóc người có công với cách mạng, người cao tuổi, trẻ em, người khuyết tật, người tâm thần 2018 - 2030;
- Đề án phát triển nghề công tác xã hội đến năm 2030;
- Đề án trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng giai đoạn 2011 - 2020;
- Kế hoạch bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân 2016 - 2020;
- Chiến lược quốc gia phòng chống bệnh không lây nhiễm 2015 - 2025;
- Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng đến 2020;
- Chiến lược quốc gia phòng chống tác hại của thuốc lá đến năm 2020;
- Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020;
- Phong trào toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại; Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân;
- Phong trào Làng Văn hóa sức khỏe;
- Phong trào Vệ sinh yêu nước;
- Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh;
- Các chương trình, dự án, đề án, kế hoạch có liên quan khác.

Kinh phí hiện có cho các chương trình, dự án, đề án cần phải được ưu tiên phân bổ nhằm đạt được các chỉ tiêu, mục tiêu của Chương trình Sức khỏe Việt Nam.

5. Giải pháp về hợp tác quốc tế

a) Chủ động, tích cực hợp tác với các quốc gia, các Viện, trường, các Hiệp hội, tổ chức trong khu vực và trên thế giới trong nghiên cứu, đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ cho Chương trình Sức khỏe Việt Nam.

b) Tăng cường hợp tác với các cơ quan, tổ chức quốc tế để hỗ trợ, thúc đẩy triển khai thực hiện các hoạt động; lồng ghép các dự án hợp tác quốc tế với hoạt động của Chương trình Sức khỏe Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện các mục tiêu.

6. Giải pháp về theo dõi, giám sát và đánh giá

a) Áp dụng khung giám sát và bộ công cụ để theo dõi, đánh giá các chỉ tiêu, mục tiêu, hoạt động của Chương trình Sức khỏe Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh do cơ quan Trung ương xây dựng và ban hành.

b) Thực hiện các điều tra, đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ, cuối kỳ để đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu của Chương trình Sức khỏe Việt Nam tại thành phố. Lồng ghép thu thập số liệu trong điều tra yếu tố nguy cơ bệnh không lây nhiễm, điều tra sức khỏe trường học, điều tra dinh dưỡng và điều tra của các ngành, các lĩnh vực.

c) Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá, định kỳ sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, đề xuất thêm giải pháp cho giai đoạn tiếp theo.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Là cơ quan thường trực để điều phối chung các hoạt động của Chương trình Sức khỏe Việt Nam trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan, tổ chức để xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam trên phạm vi thành phố.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành nghiên cứu, xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật liên quan tới thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Chịu trách nhiệm chỉ đạo tổ chức triển khai các hoạt động của Chương trình thuộc ngành y tế trên địa bàn thành phố; hướng dẫn, hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật cho các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, tổ chức có liên quan triển khai thực hiện các hoạt động của Chương trình; chủ trì, phối hợp để cung cấp các thông tin về Chương trình Sức khỏe Việt Nam cho các cơ quan báo chí và hệ thống thông tin cơ sở.

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình; định kỳ

tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện những chính sách, quy định pháp luật về bảo đảm dinh dưỡng hợp lý, tăng cường vận động thể lực, an toàn thực phẩm, vệ sinh phòng bệnh, phòng chống các yếu tố nguy cơ với sức khỏe và chăm sóc sức khỏe cho học sinh trong các cơ sở giáo dục.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc triển khai hoạt động truyền thông thay đổi hành vi và giảng dạy kiến thức cho trẻ em, học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục về dinh dưỡng hợp lý, tăng cường vận động thể lực, an toàn thực phẩm, vệ sinh phòng bệnh và phòng, chống các yếu tố nguy cơ sức khỏe.

- Phối hợp Sở Y tế, Ban Quản lý an toàn thực phẩm tổ chức triển khai các chương trình, hoạt động về chăm sóc mắt, bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và an toàn thực phẩm, sữa học đường, tăng cường vận động thể lực và chăm sóc sức khỏe học sinh.

- Phối hợp Sở Y tế củng cố, kiện toàn và nâng cao hiệu quả công tác y tế trường học bảo đảm chăm sóc sức khỏe ban đầu đối với trẻ em, học sinh, sinh viên trong các trường học.

3. Sở Văn hóa và Thể thao

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện những chính sách, quy định pháp luật về phát triển thể dục, thể thao quần chúng tại thành phố

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc triển khai các hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn, vận động nhân dân tham gia phong trào toàn dân vận động thể lực, rèn luyện thể dục thể thao và các hoạt động khác của Chương trình Sức khỏe Việt Nam.

- Phối hợp với Sở Y tế triển khai chương trình 10.000 bước chân mỗi ngày và triển khai các chương trình, phong trào rèn luyện thể dục thể thao khác trong cộng đồng.

- Lồng ghép các chỉ tiêu và nội dung liên quan của Chương trình Sức khỏe Việt Nam trong triển khai thực hiện Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam 2011 - 2030, Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020 và các chương trình, đề án khác

- Phối hợp với các Sở, ngành triển khai xây dựng mô hình thành phố lành mạnh, khu du lịch không khói thuốc, làng, khu dân cư văn hóa..

4. Ban Quản lý an toàn thực phẩm

- Chủ trì và phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan hướng dẫn và giám sát việc áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn thành phố. Tham mưu xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương về an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm thực phẩm đặc thù của thành phố; nghiên cứu đánh giá nguy cơ về an toàn thực phẩm

- Chủ trì và phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan tăng cường quản lý, thanh tra, giám sát bảo đảm thực phẩm sạch, an toàn

- Triển khai các hoạt động tuyên truyền thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật về an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố.

- Triển khai hoạt động phòng ngừa, ngăn chặn và khắc phục các sự cố về an toàn thực phẩm, ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm trên địa bàn thành phố. Xây dựng hệ thống nghiên cứu phát triển, giám sát cảnh báo các nguy cơ về an toàn thực phẩm. Định hướng, phát triển cách thức ứng phó, xử lý đối với các tình huống phát sinh trong việc sản xuất, kinh doanh thực phẩm làm ảnh hưởng đến chất lượng an toàn thực phẩm.

- Chủ trì, phối hợp Sở, ngành liên quan triển khai có hiệu quả việc nhân rộng, phát triển chuỗi cung ứng thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn trên toàn thành phố.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý an toàn thực phẩm xây dựng, ban hành theo thẩm quyền các chính sách nhằm khuyến khích, hướng dẫn sản xuất lương thực, thực phẩm an toàn, có lợi cho sức khỏe trên địa bàn thành phố; phổ biến và triển khai thực hiện những chính sách khuyến khích, hướng dẫn sản xuất thực phẩm an toàn đã được

cơ quan có thẩm quyền ban hành.

- Chủ trì và phối hợp với các Sở, ngành liên quan tăng cường quản lý, thanh tra, giám sát hoạt động sản xuất ban đầu lương thực, thực phẩm; kiểm soát dư lượng phân bón, các chất tăng trưởng, chất kháng sinh, chất phụ gia, thuốc bảo vệ thực vật trong các sản phẩm nông nghiệp nhằm bảo đảm an toàn thực phẩm cho người sử dụng.

5. Văn phòng điều phối Chương trình nông thôn mới:

Điều phối triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, trong đó có nội dung về các can thiệp dinh dưỡng giảm thấp còi, bảo đảm cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

6. Sở Xây dựng

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan rà soát các đề án quy hoạch, tăng cường thanh tra, kiểm tra công tác phát triển đô thị nhằm bảo đảm không gian sống và cơ sở vật chất cho tăng cường vận động thể lực, nâng cao chất lượng sống cho cư dân đô thị; bảo đảm các tiện ích phục vụ người khuyết tật và người cao tuổi tại thành phố.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Tăng cường các hoạt động ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai; đẩy mạnh công tác thực thi Luật Bảo vệ môi trường tại thành phố

- Chủ trì, phối hợp các Sở, ngành liên quan triển khai các giải pháp, hoạt động đảm bảo cho người dân sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Rà soát để đề xuất cơ quan có thẩm quyền bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật nhằm giảm thiểu tối đa các yếu tố nguy hại đến sức khỏe nhân dân, hướng tới thực hiện mục tiêu của Chương trình Sức khỏe Việt Nam.

8. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các Sở, ngành liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tấn báo chí và hệ thống thông tin cơ sở tổ chức triển khai các hoạt động thông tin, giáo dục, truyền thông của Chương trình Sức khỏe Việt

Nam.

- Quản lý, kiểm soát theo thẩm quyền việc quảng cáo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với thuốc lá, rượu, bia và các sản phẩm khác có yếu tố nguy cơ sức khỏe.

9. Sở Giao thông vận tải

- Tăng cường quản lý, kiểm soát theo quy định đối với các phương tiện giao thông cơ giới thải ra môi trường các chất có nguy cơ đối với sức khỏe

- Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp phát triển giao thông công cộng và hạ tầng cơ sở cho giao thông phi cơ giới; bảo đảm các tiện ích phục vụ cho người khuyết tật, người cao tuổi khi tham gia giao thông trên địa bàn thành phố

10. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính bố trí kế hoạch vốn ngân sách thành phố cho các dự án đầu tư phục vụ cho thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Sở Tài chính

- Triển khai thực hiện các chính sách tài chính của Nhà nước về khuyến khích sản xuất và tiêu dùng sản phẩm an toàn, có lợi cho sức khỏe; khuyến khích xã hội hóa các hoạt động và cung cấp dịch vụ nâng cao sức khỏe.

- Căn cứ Kế hoạch của cấp có thẩm quyền phê duyệt, Sở Tài chính phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị liên quan tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình sức khỏe Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh theo đúng quy định hiện hành.

12. Sở Công Thương

Tăng cường quản lý về kinh doanh thuốc lá, đồ uống có cồn và các sản phẩm không có lợi cho sức khỏe khác nhằm giảm thiểu yếu tố nguy cơ đối với sức khỏe từ các sản phẩm này.

13. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan tăng cường quản lý, thanh tra, giám sát bảo đảm môi trường làm việc nâng cao sức khỏe cho người lao động, giảm

thiếu các yếu tố nguy cơ gây bệnh; phối hợp với Liên đoàn Lao động thành phố để tổ chức bữa ăn bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và an toàn thực phẩm cho người lao động.

- Phối hợp với Sở Y tế triển khai chương trình khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc nhằm phát hiện sớm, điều trị, phục hồi chức năng và quản lý sức khỏe cho người lao động mắc bệnh không lây nhiễm, bệnh nghề nghiệp và các bệnh tật khác.

- Phối hợp với Sở Y tế nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe đối với người cao tuổi và một số đối tượng cần chăm sóc đặc thù khác.

14. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp các sở, ngành liên quan để phổ biến thông tin, tri thức về Chương trình Sức khỏe Việt Nam và các chương trình nâng cao sức khỏe thông qua các phương tiện công nghệ thông tin.

15. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh và các tổ chức chính trị - xã hội có liên quan

- Chỉ đạo, triển khai và phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, vận động toàn dân tích cực tham gia các hoạt động của Chương trình Sức khỏe Việt Nam.

- Chỉ đạo các hoạt động lồng ghép các chỉ tiêu xây dựng Chương trình trong cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

16. Các Sở, ban, ngành, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân thành phố

- Căn cứ theo chỉ tiêu, mục tiêu và các nội dung của Chương trình Sức khỏe Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh, xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện theo chức năng, lĩnh vực phụ trách báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố; đồng thời gửi Sở Y tế để tổng hợp, theo dõi.

- Hàng năm tổ chức kiểm tra, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình gửi về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố theo đúng quy định.

17. Ủy ban nhân dân quận, huyện

- Căn cứ theo các chỉ tiêu, mục tiêu của thành phố để chủ động xây dựng kế

hoạch thực hiện Chương trình phù hợp với yêu cầu của địa phương, đưa các chỉ tiêu của Chương trình Sức khỏe Việt Nam vào trong chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Trực tiếp chỉ đạo các xã, phường, thị trấn, các ngành tại địa phương triển khai thực hiện lồng ghép các nội dung hoạt động của Chương trình trên địa bàn, bố trí đủ ngân sách, nhân lực, cơ sở vật chất để triển khai thực hiện được các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình Sức khỏe Việt Nam tại địa phương.

- Hàng năm tổ chức kiểm tra, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình gửi về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện “Chương trình sức khỏe Việt Nam” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức được phân công nhiệm vụ trong Kế hoạch nghiêm túc tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả định kỳ hàng năm về Sở Y tế để tổng hợp, đánh giá, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ